

Số: /KH-UBND

Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

KẾ HOẠCH

Cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình trọng tâm giai đoạn 2026 - 2030

Thực hiện Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ ban hành Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030; Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2026-2030 với các nội dung sau:

I. MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU, YÊU CẦU

1. Mục tiêu

a) Tiếp tục xây dựng nền hành chính địa phương dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, có năng lực kiến tạo phát triển, liêm chính, phục vụ nhân dân, trên cơ sở quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng về đẩy mạnh toàn diện, đồng bộ công cuộc đổi mới, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân giai đoạn 2026 - 2030.

b) Cải cách hành chính phải xuất phát từ lợi ích, nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, là chủ thể và là mục tiêu cải cách; lấy sự hài lòng của người dân là thước đo đánh giá chất lượng phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp.

c) Các nội dung cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ, thống nhất, có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với điều kiện thực tiễn; kịp thời khắc phục triệt để những tồn tại, hạn chế trong quá trình triển khai thực hiện cải cách hành chính giai đoạn 2021 - 2025 của các sở, ban, ngành, địa phương.

d) Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu và hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị; tăng cường đổi mới sáng tạo, hành động quyết liệt nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng, hiệu quả cải cách hành chính, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Ninh Bình lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030, đặc biệt đạt mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” và xây dựng tỉnh Ninh Bình trở thành thành phố trực thuộc Trung ương trước năm 2030.

2. Một số chỉ tiêu cụ thể

a) *Giai đoạn 2026-2027*: Tập trung hoàn thiện nền tảng thể chế, tổ chức bộ máy và hạ tầng số; bảo đảm triển khai đầy đủ, kịp thời các yêu cầu, nhiệm vụ theo Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030 của Chính phủ, cụ thể:

- Chủ động rà soát toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành, kịp thời xử lý văn bản có nội dung không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

- Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ 100% văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh không còn phù hợp trong năm 2026-2027.

- Bảo đảm 100% cơ quan hành chính trên địa bàn tỉnh vận hành theo đúng quy định mới về tổ chức bộ máy; không để xảy ra khoảng trống pháp lý, chồng chéo chức năng, nhiệm vụ.

- Hoàn thành rà soát, phân loại mức độ tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh; xây dựng lộ trình nâng mức tự chủ phù hợp đối với các đơn vị đủ điều kiện.

- Bảo đảm 100% đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện công khai, minh bạch tài chính theo quy định; tăng cường thanh tra, kiểm tra việc thực hiện cơ chế tự chủ.

- Sắp xếp các đơn vị sự nghiệp công lập; hệ thống trường học, cơ sở y tế sau khi có chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương bảo đảm tinh gọn, giảm đầu mối trung gian, không làm giảm chất lượng dịch vụ công.

- Triển khai đồng bộ, hiệu quả các nền tảng số quốc gia và nền tảng số dùng chung của bộ, ngành; bảo đảm 100% sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng thống nhất, đồng bộ các hệ thống thông tin theo quy định.

- Bảo đảm 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- 95% người dân, doanh nghiệp đánh giá hài lòng khi sử dụng dịch vụ công trực tuyến.

- Chỉ số cải cách hành chính (Par Index) của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

b) Giai đoạn 2028-2030: Tiếp tục xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả; hoàn thiện thể chế đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch và khả thi; phát triển chính quyền số, nâng cao chất lượng phục vụ Nhân dân, bảo đảm sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất, năng lực, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ, cụ thể:

- Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật; bảo đảm đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục; Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ các văn bản không còn phù hợp; bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ với quy định của pháp luật. Ban hành đầy đủ, đúng thời hạn các văn bản quy định chi tiết thuộc thẩm quyền của tỉnh; Thực hiện công khai, minh bạch trong quá trình xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; Tăng cường theo dõi, kiểm tra việc thi hành pháp luật; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định bất cập, chồng chéo, khó thực hiện.

- Thực hiện bố trí, sắp xếp đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm phù hợp với trình độ chuyên môn, kinh nghiệm công tác và vị trí việc làm, qua đó phát huy tối đa năng lực, sở trường của từng cá nhân, góp phần nâng cao hiệu quả thực thi nhiệm vụ. Đồng thời, triển khai việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở các chỉ số hiệu suất công việc (KPI), gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm công việc cụ thể.

- Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính đạt tối thiểu 95%.

- Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trong giải quyết thủ tục hành chính dịch vụ công đạt 85%.

- Chỉ số cải cách hành chính (Par Index), Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) của tỉnh thuộc nhóm dẫn đầu cả nước.

3. Yêu cầu

a) Việc xây dựng Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2026 - 2030 là nhiệm vụ trọng tâm, quan trọng nhằm tổ chức thực hiện nghiêm túc, có hiệu quả Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021 - 2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ, Quyết định số 282/QĐ-TTg ngày 12/02/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện Kế hoạch phải bảo đảm thiết thực, phù hợp, khả thi, bám sát sự chỉ đạo của các cơ quan có thẩm quyền và tình hình thực tế của mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Gắn chặt trách nhiệm của người đứng đầu cấp ủy, cơ quan, đơn vị với kết quả thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ cải cách hành chính. Lấy kết quả, hiệu quả cải cách hành chính là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá, quy hoạch và bổ nhiệm cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp trong giai đoạn mới.

c) Bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã trong tổ chức thực hiện; phát huy vai trò giám sát của Nhân dân, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị – xã hội đối với công tác cải cách hành chính.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Cải cách thể chế

a) Tiếp tục nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh; bảo đảm đồng bộ, thống nhất, công khai, minh bạch, khả thi và phù hợp thực tiễn phát triển của địa phương.

b) Rà soát, kịp thời sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị sửa đổi các quy định chồng chéo, bất cập, gây cản trở hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh; cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, giảm chi phí tuân thủ cho người dân và doanh nghiệp.

c) Hoàn thiện cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển các thành phần kinh tế; bảo đảm quyền tự do kinh doanh, quyền sở hữu tài sản, tạo môi trường cạnh tranh bình đẳng, minh bạch.

d) Tăng cường gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật; đẩy mạnh theo dõi thi hành pháp luật, kịp thời phát hiện và xử lý hoặc kiến nghị xử lý các vướng mắc phát sinh trong thực tiễn.

đ) Đổi mới quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật theo hướng khoa học, công khai, minh bạch; tăng cường tham vấn chuyên gia, đối tượng chịu tác động; nâng cao chất lượng thẩm định, phản biện chính sách.

2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Kiểm soát chặt chẽ việc quy định thủ tục hành chính trong quá trình xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của tỉnh; bảo đảm thủ tục hành chính ban hành mới thực sự cần thiết, hợp lý, đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện và có chi phí tuân thủ thấp.

b) Đẩy mạnh rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp; kịp thời đề xuất bãi bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo, không còn phù hợp. Tổ chức triển khai có hiệu quả việc cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính dựa trên dữ liệu theo Nghị quyết số 66.7/2025/NQ-CP ngày 15/11/2025 của Chính phủ về các quy định khác có liên quan; tăng cường khai thác, sử dụng lại dữ liệu đã được số hóa trong giải quyết thủ tục hành chính.

c) Tập trung thực hiện các phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh theo chỉ đạo của Trung ương; góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, thúc đẩy phát triển kinh tế tư nhân và kinh tế nhà nước trên địa bàn tỉnh.

d) Đẩy mạnh cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước; tái cấu trúc quy trình xử lý công việc, tăng cường liên thông, chia sẻ dữ liệu, nâng cao hiệu quả quản lý và năng suất lao động.

đ) Đổi mới toàn diện việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; đẩy mạnh thực hiện giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính. Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức, viên chức trong giải quyết thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Tiếp tục rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị, tổ chức cấp tỉnh, cấp xã đảm bảo rõ người, rõ việc, không chồng chéo, không bỏ sót chức năng, nhiệm vụ. Rà soát, sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan, đơn vị bảo đảm tinh gọn, mạnh, hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả theo Kết luận số 210-KL/TW ngày 12/11/2025 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng, hoàn thiện tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị trong thời gian tới.

b) Đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp xã và các cơ quan, đơn vị trực thuộc gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu.

c) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách quản lý nhà nước trong điều kiện tổ chức chính quyền địa phương hai cấp, trọng tâm ở các lĩnh vực: tài chính-ngân sách, đất đai, quy hoạch, tổ chức bộ máy, cán bộ, chuyển đổi số, khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo.

d) Thực hiện sắp xếp, cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập, trường học, cơ sở y tế và doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn theo chỉ đạo, hướng dẫn của Trung ương để từng bước nâng cao hiệu quả hoạt động, bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu cho người dân.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tổ chức triển khai đồng bộ, hiệu quả Luật Cán bộ, công chức năm 2025 và Luật Viên chức năm 2025 trên địa bàn tỉnh; rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các quy định, quy chế quản lý cán bộ, công chức, viên chức bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương.

b) Triển khai thực hiện hiệu quả các cơ chế đặc biệt trong tuyển dụng, bố trí, sử dụng và đãi ngộ cán bộ, công chức, viên chức theo chỉ đạo của Trung ương; xây dựng và thực hiện chính sách thu hút, trọng dụng nhân tài của tỉnh.

c) Rà soát, hoàn thiện vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị làm cơ sở cho việc tuyển dụng, điều động, luân chuyển, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ, công chức, viên chức. Triển khai việc đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức trên cơ sở các chỉ số hiệu suất công việc (KPI), gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và sản phẩm công việc cụ thể.

d) Tổ chức thực hiện cải cách chính sách tiền lương, tiền thưởng theo lộ trình của Trung ương; nghiên cứu, đề xuất cơ chế khuyến khích, đãi ngộ phù hợp với điều kiện của tỉnh nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ và tạo động lực làm việc.

đ) Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức theo hướng gắn với vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh và khung năng lực; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng quản trị hiện đại và đạo đức công vụ.

e) Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, trách nhiệm giải trình và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động công vụ.

5. Cải cách tài chính công

a) Rà soát, sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách quản lý tài chính-ngân sách của tỉnh bảo đảm phù hợp Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát, bảo đảm quản lý ngân sách chặt chẽ, công khai, minh bạch và hiệu quả.

b) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước trên địa bàn

tinh; nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng ngân sách; tăng cường thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

c) Đẩy mạnh đổi mới cơ chế tài chính đối với đơn vị sự nghiệp công lập gắn với lộ trình sắp xếp tổ chức bộ máy; thực hiện phân loại mức độ tự chủ tài chính phù hợp; chuyển các đơn vị đủ điều kiện sang cơ chế tự chủ toàn diện; thúc đẩy xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định, nhất là trong lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao.

d) Tăng cường quản lý, sử dụng tài sản công theo đúng quy định của pháp luật; tổ chức rà soát, sắp xếp, xử lý trụ sở, cơ sở nhà, đất và tài sản công sau sắp xếp tổ chức bộ máy và thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí.

đ) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong quản lý tài chính công, ngân sách và tài sản công; tăng cường công khai, minh bạch ngân sách nhà nước và tài sản công theo quy định.

6. Xây dựng, phát triển Chính phủ điện tử, Chính phủ số

a) Rà soát, ban hành theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các văn bản quy phạm pháp luật để tổ chức triển khai hiệu quả Luật Chuyển đổi số, Luật Trí tuệ nhân tạo, Luật An ninh mạng trên địa bàn tỉnh; hoàn thiện cơ chế, chính sách thúc đẩy chuyển đổi số đồng bộ trong các cơ quan nhà nước.

b) Xây dựng, cập nhật và tổ chức triển khai Kiến trúc Chính quyền số tỉnh phù hợp với Khung kiến trúc số quốc gia; ban hành và thực hiện Chiến lược dữ liệu của tỉnh bảo đảm thống nhất với Khung kiến trúc dữ liệu và Khung quản trị dữ liệu quốc gia.

c) Tổ chức xây dựng, chuẩn hóa, làm sạch và kết nối, chia sẻ hiệu quả các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh; bảo đảm dữ liệu “đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, dùng chung”; đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt trong các lĩnh vực đất đai, tư pháp, giáo dục, y tế.

d) Nâng cấp, hoàn thiện hạ tầng số của tỉnh, bảo đảm an toàn, an ninh thông tin; duy trì, vận hành hiệu quả Trung tâm dữ liệu của tỉnh, kết nối thông suốt với các hệ thống và cơ sở dữ liệu quốc gia.

đ) Phát triển, nâng cấp các nền tảng số phục vụ chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh và các cơ quan hành chính nhà nước; bảo đảm kết nối, liên thông với Trục liên thông văn bản quốc gia, Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và các nền tảng điều hành của Trung ương.

e) Tổ chức triển khai hiệu quả Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu dân cư, định danh và xác thực điện tử; tích hợp, cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh; bảo đảm người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính thuận tiện, không phụ thuộc địa giới hành chính.

g) Nghiên cứu, hướng dẫn triển khai ứng dụng trợ lý ảo và các tiện ích thông minh trong giải quyết thủ tục hành chính và điều hành công việc; tăng cường khai thác, sử dụng lại dữ liệu đã được số hóa.

(Các nhiệm vụ cụ thể tại Phụ lục kèm theo).

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện do ngân sách tỉnh đảm bảo theo phân cấp, được bố trí trong dự toán chi ngân sách nhà nước hằng năm cho công tác cải cách hành chính và các nguồn khác theo quy định của pháp luật để triển khai Kế hoạch.

2. Các cơ quan, đơn vị thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán kinh phí thực hiện công tác cải cách hành chính theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các xã, phường

a) Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ tại Kế hoạch này, Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng kế hoạch cải cách hành chính hằng năm của cơ quan, đơn vị; cụ thể hóa thành nhiệm vụ, đề án, chương trình công tác để tổ chức triển khai thực hiện phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và tình hình thực tế.

b) Chủ động chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính thuộc phạm vi quản lý; xác định rõ trách nhiệm của từng phòng, bộ phận, cá nhân; bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ, chất lượng các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao; gắn kết quả cải cách hành chính với công tác thi đua khen thưởng và đánh giá, xếp loại chất lượng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

c) Ưu tiên bố trí kinh phí, nhân lực và các điều kiện cần thiết để thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính; tăng cường ứng dụng công nghệ số trong theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện.

d) Định kỳ hằng quý, 6 tháng, hằng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, thực hiện chế độ báo cáo kết quả cải cách hành chính về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

đ) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về cải cách hành chính, chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức và sự tham gia giám sát của người dân, doanh nghiệp.

2. Sở Nội vụ

a) Là cơ quan thường trực cải cách hành chính của tỉnh, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước trọng tâm giai đoạn 2026-2030. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp xã hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch; bảo đảm chất lượng, hiệu quả và tiến độ theo mục tiêu, chỉ tiêu đề ra.

b) Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nội vụ tình hình, kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định; tham mưu đề xuất giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai.

c) Chủ trì tham mưu triển khai các nội dung cải cách tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, công chức, viên chức theo phân công; hướng dẫn việc xây dựng vị trí việc làm, quản lý biên chế, đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức gắn với kết quả cải cách hành chính.

d) Chủ trì tham mưu tổ chức đánh giá, chấm điểm, xác định Chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX), chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn.

đ) Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ, công chức làm công tác cải cách hành chính các cấp; hướng dẫn nghiệp vụ chuyên môn về cải cách hành chính.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính; nhân rộng các mô hình, sáng kiến, cách làm hiệu quả.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành kế hoạch; chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức thi tìm hiểu cải cách hành chính (trực tiếp hoặc trực tuyến) năm 2026 và các năm tiếp theo.

h) Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, đề án, dự án thuộc Kế hoạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

3. Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh

a) Chủ trì theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức triển khai thực hiện các nội dung về cải cách thủ tục hành chính. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu các giải pháp nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp tỉnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã để tạo điều kiện thuận lợi trong việc tiếp nhận và trả kết quả hồ sơ TTHC cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp.

b) Chủ trì vận hành, khai thác hiệu quả Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ và Trung tâm thông tin, chỉ đạo điều hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Phối hợp triển khai các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền cải cách hành chính trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh.

4. Sở Tư pháp

a) Theo dõi, tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế trên địa bàn tỉnh.

b) Chủ trì tham mưu đổi mới, nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh; nâng cao chất lượng công tác thẩm định, kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật.

c) Tham mưu nâng cao hiệu quả tổ chức thi hành văn bản quy phạm pháp luật, tổ chức thực hiện các văn bản trong lĩnh vực tư pháp; theo dõi việc thi hành văn bản quy phạm pháp luật tại địa phương, kịp thời phát hiện và kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, bất cập.

d) Phối hợp với Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành liên quan tham mưu triển khai nhiệm vụ kiểm soát thủ tục hành chính theo phân công; bảo đảm thủ tục hành chính được công bố, công khai, minh bạch, đúng quy định.

5. Sở Tài chính

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các quy định về phân cấp quản lý ngân sách nhà nước; bảo đảm tăng tính chủ động của ngân sách cấp xã trong điều kiện thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp; hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước của các cơ quan, đơn vị theo quy định.

b) Phối hợp với Sở, ngành, các đơn vị sự nghiệp công lập khôi phục hướng dẫn thực hiện cơ chế tự chủ tài chính theo quy định của pháp luật hiện hành.

c) Chủ trì tổng hợp nhu cầu kinh phí thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính của các sở, ngành, địa phương; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí dự toán kinh phí hằng năm phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai các nhiệm vụ xây dựng, phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn, đôn đốc các sở, ngành, địa phương thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu chuyển đổi số gắn với cải cách hành chính.

b) Chủ trì theo dõi, tham mưu triển khai Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; đề xuất giải pháp thúc đẩy hệ sinh thái đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số của tỉnh.

c) Chủ trì bảo đảm hạ tầng số, nền tảng số dùng chung của tỉnh hoạt động ổn định, an toàn, thông suốt; phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin trong các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

7. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai thực hiện hiệu quả Quyết định số 06/QĐ-TTg, ngày 06/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác

thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022-2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Đề án 06) trên địa bàn tỉnh; theo dõi, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số gắn với Đề án 06 theo chỉ đạo của Trung ương.

b) Khai thác, sử dụng hiệu quả Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và hệ thống định danh, xác thực điện tử; bảo đảm an ninh, an toàn, tính sẵn sàng cao phục vụ kết nối, chia sẻ dữ liệu với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh theo quy định.

c) Chủ trì, phối hợp bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Ninh Bình trọng tâm giai đoạn 2026-2030, trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, các cơ quan, đơn vị báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ) để được hướng dẫn, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ Nội vụ;
- Thường vụ Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đ/c Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- Báo và Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VP7.
NH/VP7

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Anh Chức